

LÍ GIẢI MỘT SỐ DẠNG TRUNG GIAN CỦA KIỂU CÂU PHÂN LOẠI THEO CẤU TẠO NGỮ PHÁP

PGS. TS NGUYỄN THỊ LƯƠNG

1. Trung gian là một hiện tượng phổ biến trong khoa học xã hội cũng như khoa học tự nhiên, nó có cơ sở triết học và được xây dựng thành lý thuyết - lý thuyết về *hiện tượng trung gian* (hay lý thuyết *tâm - biên*). Xin được dẫn một số ý kiến làm cơ sở lý luận cho bài viết này.

Về cơ sở triết học, dưới ánh sáng của phép biện chứng, trong *Chống Duyrinh*, F. Engels đã viết: “Những sự đối lập cứng nhắc cũ, những ranh giới đứt khoát và không thể vượt qua được ngày càng biến mất, những mắt xích trung gian hầu như chóng đối lại mọi sự phân loại ngày càng thêm nhiều”. Trong *Phép biện chứng của tự nhiên*, khẳng định thêm tính chất biện chứng của hiện tượng trung gian, F. Engels viết: “Phép biện chứng làm cho những sự khác biệt siêu hình cố định chuyển hóa lẫn nhau, phép biện chứng thừa nhận, trong những trường hợp cần thiết, bên cạnh cái “hoặc là...hoặc là” thì có cả cái “cả cái này và cái kia nữa và thực hiện sự môi giới giữa các mặt đối lập”. V. I. Lenin, trong *Phép biện chứng duy vật* cũng khẳng định: “trong tự nhiên, không hề có đường ranh giới nào tuyệt đối, vật chất đang vận động sẽ chuyển hóa từ một trạng thái này

sang một dạng trạng thái khác và chúng ta thấy dường như chúng không thể nào đi đôi với trạng thái trước...”.

Ở Việt Nam, Đỗ Hữu Châu, trong bài viết *Cách xử lý những hiện tượng trung gian trong ngôn ngữ* cũng khẳng định: “những đối lập cứng nhắc cũ, những ranh giới đứt khoát và không thể vượt qua được ngày nay tỏ ra thiếu cơ sở vững chắc bởi vì các sự kiện ngôn ngữ trung gian xuất hiện ngày càng nhiều, ngày một hấp dẫn”.

Vậy *trung gian* là gì? Tác giả bài viết cho rằng: “Trung gian là sự thống nhất của các mặt đối lập, là sự chuyển hóa lẫn nhau của ít nhất hai trạng thái kế tiếp. Trong trung gian có những đặc trưng của mặt đối lập này lẫn đặc trưng của mặt đối lập kia, có đặc trưng của trạng thái này lẫn đặc trưng của trạng thái kia”. Do đó, “trung gian không lấy *một* hay *từng* loại cô lập mà lấy *các* - ít nhất là hai - mặt đối lập, trạng thái đồng thời hay kế tiếp nhau và các đặc trưng của các mặt, các trạng thái đối lập làm tiền đề”. Chấp nhận sự kiện trung gian là lấy trung gian làm mục tiêu nghiên cứu và lấy việc giải thích chúng làm mục đích.

2. Trong ngôn ngữ học, trung gian lại càng nhiều. Nó có mặt ở mọi cấp độ, mọi đơn vị. Bài này đề cập đến một số dạng trung gian của kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp. Ngữ pháp học truyền thống, khi phân loại câu theo cấu tạo ngữ pháp thường lấy số lượng kết cấu C - V (cụm chủ vị) nòng cốt làm tiêu chí phân loại. Dựa vào số lượng kết cấu C - V nòng cốt có trong câu, người ta phân câu thành các kiểu chính: câu đơn, câu đơn đặc biệt, câu ghép, câu phức thành phần và câu tinh lược. Các câu xếp được vào một trong các kiểu đó là các câu nằm ở phần *tâm* của các khúc đoạn được phân loại, chúng mang các đặc điểm điển hình, đặc điểm cơ bản của kiểu đó. Còn rất nhiều câu không nằm ở *tâm* mà nằm ở phần *biên*, phần giáp ranh giữa kiểu nọ với kiểu kia, do đó chúng vừa mang đặc điểm của kiểu câu này vừa mang đặc điểm của kiểu câu khác. Nói theo lí thuyết trung gian thì những câu đó “mang những đặc trưng của mặt đối lập này lẫn đặc trưng của mặt đối lập kia, có đặc trưng của trạng thái này lẫn đặc trưng của trạng thái kia”. Vì thế, khi phân loại chúng, thường xảy ra tình trạng: hoặc băn khoăn vì không biết xếp chúng vào kiểu câu nào hoặc tranh luận vì người thì xếp vào kiểu này, người thì xếp vào kiểu khác. Bài viết này sẽ phân tích, lí giải đặc điểm vừa A lại vừa B của các câu vùng *biên* gây băn khoăn, tranh luận - một số dạng trung gian của kiểu câu được phân loại theo tiêu chí *cấu tạo ngữ pháp*.

2.1. Câu đơn có thành phần trạng ngữ hay câu ghép có một vế tinh lược thành phần chủ ngữ

Xét các trường hợp sau:

(1) Vì tôi bận, nên tôi không thể tham dự buổi tiệc ngày mai được.

(2) Vì bận, nên tôi không thể tham dự buổi tiệc ngày mai được.

(3) Vì nó, tôi bị mắng oan.

Phần đầu của cả ba câu trên đều có ý nghĩa chỉ nguyên nhân nhưng chúng lại thuộc các kiểu câu khác nhau.

Câu (1) có mô hình vì *CI - VI*, nên *C2 - V2*. Đó là mô hình dạng đầy đủ của câu ghép chính phụ (có quan hệ nhân quả). Trường hợp này rõ ràng, không có tranh luận.

Câu (3), thành phần vì nó có cấu tạo: *quan hệ từ + đại từ*, cũng được những người nghiên cứu thống nhất xếp vào thành phần trạng ngữ chỉ nguyên nhân. Câu (3) cũng không thuộc loại câu trung gian, nó có mô hình của câu đơn có trạng ngữ chỉ nguyên nhân dạng: T, C - V.

Câu có vấn đề trung gian là câu (2) *Vì bận, nên tôi không thể tham dự buổi tiệc ngày mai được*. Cụ thể hơn, phần gây tranh luận là thành phần chỉ nguyên nhân vì *bận*. Thành phần này có cấu tạo: *quan hệ từ + động từ*. Có hai cách lí giải về đặc điểm của thành phần chỉ nguyên nhân này:

Cách 1: Cho thành phần vì *bận* là trạng ngữ chỉ nguyên nhân. Bởi thành phần này, về vị trí, nó có thể đứng trước C (*Vì bận, nên tôi không thể tham dự buổi tiệc ngày mai được*); có thể đứng sau C (*Tôi, vì bận, không thể tham dự buổi tiệc ngày mai được*); cũng có thể đứng cuối câu (*Tôi không thể tham dự buổi tiệc ngày mai được vì bận*).

Như vậy với cách lí giải 1, câu (2) sẽ có mô hình của câu đơn có thành phần trạng ngữ chỉ nguyên nhân: T, C - V.

Cách 2: Cho thành phần *vì bạn* là vế của câu ghép có chủ ngữ bị tỉnh lược. Bởi các lí do sau:

- Về nghĩa: câu (2) biểu thị hai sự tình:

+ Sự tình thứ nhất được biểu thị bằng động từ *bạn*.

+ Sự tình thứ hai được biểu thị bằng cụm động từ *không thể tham dự buổi tiệc ngày mai được*.

Hai sự tình trên đều có cùng chung một chủ thể là *tôi*.

Tôi bạn, tôi - không thể tham dự buổi tiệc ngày mai được.

- Về cấu trúc ngữ pháp: Lí thuyết về câu ghép cho rằng với dạng câu ghép chính phụ có mô hình: *quan hệ từ₁ C₁ - V₁, quan hệ từ₂ C₂ - V₂*, thì:

+ Nếu C₁ và C₂ khác chủ thể: sự có mặt C₁ và C₂ là cần thiết. Thí dụ:

(4) Chúng ta *phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc* vì các vị ấy là *tiêu biểu của một dân tộc anh hùng*.

(Hồ Chí Minh)

(5) *Có lẽ tiếng Việt của chúng ta đẹp bởi vì tâm hồn của người Việt ta rất đẹp.*

(Phạm Văn Đồng)

Ở các câu trên, nếu chủ ngữ bị tỉnh lược, người đọc sẽ rất khó hiểu nội dung của câu hoặc sẽ hiểu sai nội dung câu - như thí dụ cho dưới đây:

(6) *Ở lứa tuổi thích trái ô mai, thích viên kẹo ngọt, hay vòi vĩnh bố*

mẹ, xin người lớn đừng bắt các em phải ra trước sân trường hô những câu khẩu hiệu mà chính các em chưa hiểu rõ các từ trong đó.

(Báo)

Lô gích của câu (6) cho phép hiểu chủ thể của trạng thái ở *lứa tuổi thích trái ô mai...* là *các em*, còn chủ thể của hành động *xin người lớn đừng bắt các em...* là người nói. Hai chủ thể đó thuộc hai đối tượng khác nhau. Vế đầu của câu, chủ ngữ *các em* bị tỉnh lược, khiến cho người nghe, người đọc hiểu nhầm rằng: người phát ngôn hành động *xin người lớn...* đang ở *lứa tuổi thích trái ô mai*.

+ Nếu C₁ và C₂ cùng chung một chủ thể thì có thể tỉnh lược một chủ ngữ của câu (một số trường hợp có thể tỉnh lược cả hai chủ ngữ). Thí dụ:

(7) *Nếu bạn sợ sặc nước bạn sẽ không bao giờ biết bơi.*

→ *Nếu sợ sặc nước, bạn sẽ không bao giờ biết bơi.*

(8) *Tuy họ nghèo nhưng họ rất tốt bụng.*

→ *Tuy nghèo nhưng họ rất tốt bụng.*

Trở lại với câu (1) và câu (2), Câu (1) có mô hình của câu ghép dạng đầy đủ: *vì C₁ - V₁ nên C₂ - V₂*

Vì tôi bạn nên tôi không thể tham dự buổi tiệc ngày mai được.

Trong đó C₁ và C₂ cùng chung một chủ thể "tôi" nên câu (1) có thể tỉnh lược C₁ thành câu (2): *Vì bạn, nên tôi không thể tham dự buổi tiệc ngày mai được.*

Như vậy, với cách lí giải thứ hai, câu (2), về nghĩa, biểu thị hai sự tình;

về cấu trúc ngữ pháp, có mô hình cấu trúc của câu ghép chính phụ (quan hệ nhân quả), trong đó, chủ ngữ của vế nguyên nhân bị tỉnh lược vì có cùng chủ thể với chủ ngữ ở vế kết quả. Câu (2) sẽ có mô hình: $V_i (C_1 \text{ tỉnh lược}) - V_1, C_2 - V_2$. Chủ ngữ bị tỉnh lược hoàn toàn có thể khôi phục lại - nếu cần. Với các đặc điểm đó, câu (2) thuộc kiểu câu ghép có một vế tỉnh lược thành phần chủ ngữ.

2.2. Câu phức thành phần trạng ngữ hay câu ghép

Đó là trường hợp sau:

(9) Chân nọ đá chân kia, *chị lại trở về ngồi ở đầu phản.*

(Ngô Tất Tố)

(10) *Em bỗng chạy về phía tôi, tay ôm con búp bê.*

(Khánh Hoài)

Dạng câu này có các đặc điểm sau:

- Về cấu trúc ngữ pháp: câu (9), (10) có hai kết cấu C - V, hai kết cấu này không “bao nhau”, không lồng vào nhau, chúng có mô hình $C_1 - V_1, C_2 - V_2$. Đó là mô hình của *câu ghép*. Với đặc điểm này, hoàn toàn có thể xếp hai câu (9) và (10) vào kiểu câu ghép.

- Về quan hệ nghĩa: quan hệ nghĩa giữa các thành phần trong câu (9), (10) khá đặc biệt. Đó là:

+ C_1 và C_2 có quan hệ bộ phận - chính thể (hay chính thể - bộ phận): *chân - chị, tay - em*.

+ Quan hệ giữa vị ngữ (của vế chính thể) với toàn bộ kết cấu C - V của vế bộ phận là mối quan hệ giữa hành động/ trạng thái với tư thế/ cách thức của cùng một chủ thể: hành động

trở về của chủ thể *chị* được thực hiện trong tư thế *chân nọ đá chân kia; em chạy về phía tôi* trong trạng thái *tay ôm con búp bê*.

Trong tiếng Việt, mối quan hệ nghĩa đó, thường có giữa hai thành phần ngữ pháp: vị ngữ và trạng ngữ chỉ cách thức. Do đó, về quan hệ nghĩa, kết cấu C - V ở vế chỉ bộ phận trong câu (9), (10) giữ chức năng của một trạng ngữ chỉ cách thức.

- Về vị trí: kết cấu C - V của vế chỉ bộ phận có vị trí linh hoạt như một trạng ngữ chỉ cách thức: nó có thể đứng trước - sau hay xen giữa kết cấu C - V của vế chỉ chủ thể. Thí dụ:

+ *Em bỗng chạy về phía tôi, tay ôm con búp bê.*

+ *Em, tay ôm con búp bê bỗng chạy về phía tôi.*

+ *Tay ôm con búp bê, em bỗng chạy về phía tôi.*

Với các đặc điểm về mối quan hệ nghĩa và vị trí giữa các thành phần trong câu, dạng câu (9), (10) có thể xếp vào kiểu câu phức thành phần trạng ngữ. Và như vậy, kết cấu C - V chỉ bộ phận sẽ được coi là trạng ngữ chỉ tư thế - cách thức, một loại trạng ngữ đặc biệt trong tiếng Việt.

2.3. Câu đơn có nhiều vị ngữ hay câu ghép đồng chủ ngữ

Thí dụ:

(11) *Mây bò trên mặt đất, tràn vào trong nhà, quán lấy người đi đường.*

(Tập đọc lớp 5, 1980)

12) *Chàng trai đi trên đường thơ, hái những bông hoa gập dưới bước chân.*

(Thế Lữ)

Xét về cấu trúc ngữ pháp: Các câu trên đều có cấu tạo C - V₁, V₂, V₃. Cấu trúc dạng đó, trên quan điểm của ngữ pháp truyền thống, có thể xếp chúng vào kiểu câu đơn, vì đầu có nhiều vị ngữ nhưng chỉ có một chủ ngữ - chúng thuộc loại câu đơn có nhiều vị ngữ, cùng chung một chủ ngữ.

Nếu xét ở bình diện ngữ nghĩa: Theo quan điểm của ngữ pháp chức năng, mỗi vị ngữ biểu thị một sự tình. Câu có nhiều vị ngữ là câu biểu thị nhiều sự tình. Như vậy, dạng câu có cấu tạo C - V₁, V₂, V₃ sẽ được xếp vào kiểu câu ghép: loại câu ghép có nhiều vị ngữ, cùng chung một chủ ngữ - còn gọi là câu ghép đồng chủ ngữ. Vì có chung một chủ ngữ, nên chủ ngữ của các vị ngữ sau không cần phải lặp lại.

2.4. Câu đơn có một vị ngữ, câu đơn có nhiều vị ngữ, câu ghép có một chủ ngữ bị tỉnh lược hay câu phức thành phần

Trong tiếng Việt tồn tại một dạng tổ hợp từ được tạo nên bởi: danh từ (cụm danh từ) + vị từ (cụm vị từ). Như đã biết, danh từ (cụm danh từ) về ý nghĩa, thường biểu thị sự vật, còn vị từ (cụm vị từ) thường biểu thị hành động/ trạng thái của sự vật. Mỗi quan hệ giữa sự vật với hành động/ trạng thái của sự vật, khi được phản ánh vào câu, thường được biểu thị bằng mối quan hệ ngữ pháp là quan hệ C - V. Bằng mối quan hệ C - V đó, tổ hợp từ được tạo nên bởi: danh từ (cụm danh từ) + vị từ (cụm vị từ), tùy theo ngữ cảnh, có thể là một vế của câu ghép (thí dụ: *Nếu thời tiết đẹp, tôi sẽ đi chơi*), hoặc có thể tự thân tạo thành một câu đơn (thí dụ: *Thời tiết đẹp quá!*). Nhưng cũng có thể mối quan hệ giữa sự vật -

hành động/ trạng thái của sự vật khi được phản ánh vào câu - trong một ngữ cảnh cụ thể - lại được biểu thị bằng quan hệ chính phụ - nghĩa là cả tổ hợp mới là một cụm danh từ. Cụm danh từ đó có thể đảm nhận chức vụ chủ ngữ hay bổ ngữ, định ngữ (thí dụ: *Nó vẽ con chim đang bay*). Mối quan hệ giao thoa nước đôi, nước ba như trên của tổ hợp có cấu tạo bởi: danh từ (cụm danh từ) + vị từ (cụm vị từ) khiến cho việc xác định kiểu loại của các câu có chứa nó trở nên phức tạp và trung gian ắt phải có. Với trường hợp này, việc xác định thành phần câu có chứa tổ hợp trên - là cụm danh từ hay cụm C - V có liên quan đến việc xác định kiểu câu: câu đơn có một vị ngữ, câu đơn có nhiều vị ngữ, câu ghép có một chủ ngữ bị tỉnh lược hay câu phức thành phần?

Xét thí dụ dưới đây:

(13) *Những luồng ánh sáng chiếu qua các chùm lộc mới hóa rực rỡ hơn.*

(Võ Quảng)

Câu trên, lí giải cấu tạo của tổ hợp *Những luồng ánh sáng chiếu qua các chùm lộc mới* có thể có các cách sau:

Cách 1:

- *Những luồng ánh sáng*: cụm danh từ - làm chủ ngữ.

- *Chiếu qua các chùm lộc mới*: cụm động từ - làm vị ngữ 1.

- *Hoá rực rỡ hơn*: cụm động từ - làm vị ngữ 2.

Với cách lí giải này, câu sẽ có cấu tạo: C - V₁, V₂ và có thể xếp chúng vào kiểu câu đơn có nhiều vị ngữ (hay câu ghép có một chủ ngữ bị tỉnh lược).

Cách 2:

- *Những luồng ánh sáng chiếu qua những chùm lộc mới* là chủ ngữ - có cấu tạo là một kết cấu C - V bị bao, trong đó: *những luồng ánh sáng* là C bị bao, *chiếu qua các chùm lộc mới* là V bị bao.

- *Hóa rục rờ hơn*: cụm động từ - là vị ngữ của câu.

Với cách lí giải thứ 2, câu sẽ có cấu tạo $C_{C_0} - v_0 - V$.

Đó là mô hình của câu phức thành phần chủ ngữ.

Cách 3:

- *Những luồng ánh sáng chiếu qua các chùm lộc mới* là chủ ngữ, có cấu tạo là cụm danh từ (*chiếu qua các chùm lộc mới* là định ngữ cho *luồng ánh sáng*).

- *Hóa rục rờ hơn*: là vị ngữ của câu.

Với cách lí giải thứ ba, câu trên sẽ là câu đơn có một vị ngữ, có cấu tạo C - V.

Xét tiếp thí dụ sau:

(14) *Ông Đỗ Phủ là người làm thơ nổi tiếng thời nhà Đường, có câu rằng: nhân sinh thất thập cổ lai hi.*

(Hồ Chí Minh)

Giới hạn thành phần chủ ngữ của câu trên cũng có hai cách lí giải:

Cách 1: Chủ ngữ là *Ông Đỗ Phủ*.

Cách 2: Chủ ngữ là: *Ông Đỗ Phủ là người làm thơ nổi tiếng thời nhà Đường*.

Với cách lí giải thứ nhất, câu sẽ có cấu tạo C - V1, V2 - đó là kiểu câu có nhiều vị ngữ hay câu ghép có một chủ ngữ bị tỉnh lược.

Với cách lí giải thứ hai, câu sẽ có dạng của câu phức thành phần chủ ngữ: $C_{C_0} - v_0 - V$.

Câu cho dưới đây cũng là trường hợp tương tự:

(15) *Trường nhận ra cô gái có đôi mắt to và đen vẫn thường chơi với chàng và Lan ngày trước.*

(Thạch Lam)

Tổ hợp từ *cô gái có đôi mắt to và đen vẫn thường chơi với chàng và Lan ngày trước* ở câu trên, nếu cho là cụm danh từ, thì câu sẽ có cấu tạo của một câu đơn, nhưng nếu cho là cụm C - V bị bao thì câu sẽ có cấu tạo của câu phức thành phần bổ ngữ.

2.5. Câu đặc biệt hay câu tỉnh lược

Đó là các trường hợp sau:

(16) *Trong lòng tôi, tiếng lá lao xao như không bao giờ tắt. Giá buồn quá!*

(Nguyễn Hồng)

(17) *Chó sủa xa xa. Chừng đã khuya. Lúc ấy là lúc trai đang đến bên vách.*

(Tô Hoài)

Xét các câu *Giá buồn quá!*; *Chừng đã khuya*.

Về cấu trúc ngữ pháp, chúng có cấu tạo là cụm động từ hoặc cụm tính từ. Có thể xếp chúng vào kiểu *câu đặc biệt vị từ* - với các đặc điểm: Câu chỉ có một trung tâm cú pháp chính. Khó có thể xác định - và cũng không cần thiết phải xác định đó là thành phần nào: chủ ngữ hay vị ngữ. Tuy chỉ có một trung tâm cú pháp chính nhưng nó vẫn là một câu không thiếu, khuyết hay ẩn một thành phần nào cả nên không cần thiết phải khôi phục thành phần nào cho đầy đủ hơn. Tự bản thân nó đã trọn vẹn cả về nghĩa lẫn cấu trúc

mà không cần dựa vào ngữ cảnh hay văn cảnh. Nó là một cấu trúc độc lập, kín tự thân.

Nhưng cũng có thể xếp chúng vào kiểu câu tỉnh lược. Vì nếu so với dạng điển hình của câu đặc biệt - khó có thể khôi phục thành phần còn thiếu - do không xác định được thành phần đang có mặt trong câu là chủ ngữ, vị ngữ, bổ ngữ hay trạng ngữ thì với dạng câu in nghiêng đang xét, dựa vào nghĩa của động/ tính từ trong câu, người tiếp nhận hoàn toàn có thể xác định được chức năng ngữ pháp của thành phần có mặt trong câu - đó là thành phần vị ngữ. Và nếu muốn, người ta cũng có thể khôi phục lại chủ ngữ cho câu: *Trời giá buốt quá! Đêm chùng đã khuya.*

Như vậy, dạng câu của trường hợp này vừa mang đặc điểm của câu đặc biệt vừa mang đặc điểm của câu tỉnh lược.

2.6. Câu đặc biệt (câu tồn tại) hay câu đảo vị ngữ

Về trường hợp này, có thể dẫn các thí dụ cho dưới đây:

(18) *Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái chùa cổ kính.*

(Thép Mới)

(19) *Đó đây, trên vách động, còn rủ xuống những nhánh phong lan xanh biếc.*

(20) *Trong đêm tối chợt bùng lên một đám lửa đỏ chói.*

Các câu trên, xét về đặc điểm câu tạo, có thể xếp vào loại câu đặc biệt, cụ thể là câu tồn tại dạng đầy đủ, gồm: *giới ngữ chỉ vị trí, địa điểm của vật, việc tồn tại + vị từ tồn tại + danh từ/ cụm danh từ chỉ vật, việc - chủ thể tồn tại.*

Thực ra, vị từ tồn tại điển hình phải là các từ: *có, còn, tồn tại.* Ở các

thí dụ trên, các từ: *thấp thoáng*, theo nghĩa từ điển, là từ tượng hình, dùng để chỉ trạng thái thoáng hiện rồi lại mất, lúc rõ lúc không của người, vật; *rủ* là động từ chỉ trạng thái; *bùng* là động từ chỉ hành động. Nhưng khi đi vào hoạt động, được sử dụng trong cấu trúc của dạng câu tồn tại, chúng lại có ý nghĩa miêu tả một trạng thái, một hành động cụ thể như đang hiển hiện ngay trước mắt người đọc, người nghe, vì thế mà chúng mang ý nghĩa tồn tại. Do đó có thể xếp các câu trên vào kiểu câu tồn tại.

Tuy nhiên, cũng có quan điểm cho rằng các trường hợp trên thuộc kiểu câu đảo vị ngữ. Bởi danh từ/ cụm danh từ chỉ vật, việc đứng sau vị từ tồn tại: *mái chùa cổ kính, những nhánh phong lan xanh biếc, một đám lửa đỏ chói*, về chức năng ngữ pháp, chúng đảm nhiệm vai trò của một bổ ngữ. Nhưng về ý nghĩa, chúng lại là chủ thể trong mối quan hệ với vị từ tồn tại đứng trước nó, Do đó nếu đưa chúng lên trước vị từ tồn tại, chúng sẽ đảm nhận chức năng của một chủ ngữ và khi đó, câu tồn tại, trong dạng đảo lại, sẽ là câu đơn có dạng: C - V, T.

(18') *Mái chùa cổ kính thấp thoáng dưới bóng tre của ngàn xưa.*

(19') *Đó đây, những nhánh phong lan xanh biếc còn rủ xuống trên vách động.*

(20') *Một đám lửa đỏ chói chợt bùng lên trong đêm tối.*

Như vậy, nếu xét theo mối quan hệ nghĩa giữa chủ thể với hành động/ trạng thái của chủ thể - được biểu thị ở vị từ thì các câu (18), câu (19) và câu (20) hoàn toàn có thể xếp vào kiểu câu đảo chủ ngữ.

3. Bài viết này mới chỉ dẫn và lí giải một số dạng trung gian thường gặp khi phân loại câu theo cấu tạo ngữ pháp. Thay cho lời kết, chúng tôi muốn dẫn ý kiến của Đỗ Hữu Châu nói về *Cách xử lí những hiện tượng trung gian trong ngôn ngữ*: "Hướng về trung gian không có nghĩa là phủ định loại và phủ định tầm quan trọng của việc phân loại trong nghiên cứu. Bởi vì như đã nói, trung gian là trung gian giữa các mặt, các trạng thái đối lập, mà mỗi mặt, mỗi trạng thái đối lập trong một tình huống nhất định, trong một thời điểm nhất định, tồn tại dưới dạng những loại sự vật - hiện tượng tương đối đối lập, khác nhau về chất lượng. Cho nên nếu phủ định loại là phủ định luôn sự khác nhau về chất giữa sự vật, hiện tượng, cũng tức là phủ định nguyên lí về sự đột biến về chất của chủ nghĩa duy vật biện chứng, xóa nhòa đường ranh giới chất lượng trong tự nhiên. Nói cách khác, quan hệ giữa các loại và những hiện tượng trung gian, giữa chúng cũng có tính chất biện chứng, hướng về phía này không thể không hướng về phía kia, giải quyết cái này không thể không giải quyết cái kia".

Từ trước tới nay, trung gian vẫn bị coi là phức tạp, rắc rối. Song không vì thế mà chúng ta né tránh hay phủ định sự tồn tại hiển nhiên của nó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban, *Câu đơn tiếng Việt*, Nxb GD, H., 1987.
2. Diệp Quang Ban, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Tập 2, Nxb GD, H., 1996.
3. Đỗ Hữu Châu, *Cách xử lí những hiện tượng trung gian trong ngôn ngữ*, T/c Ngôn ngữ, Số 1, 1979.
4. F. Engels, *Chống Duyrinh*, Nxb Sự thật, H., 1959.

5. F. Engels, *Phép biện chứng của tự nhiên*, Nxb Sự thật, H., 1971.

6. V.I.Lenin, dẫn theo Marx-Engels, *Phép biện chứng duy vật*, Nxb Sự thật, H., 1962.

7. Nguyễn Thị Lương, *Câu tiếng Việt*, Nxb ĐHSP, H., 2006.

8. Nguyễn Minh Thuyết - Nguyễn Văn Hiệp, *Thành phần câu tiếng Việt*, Nxb ĐHQG, H., 1998.

SUMMARY

Intermediate is a common phenomenon in the social sciences and natural sciences. It is based on the philosophical foundations and has built up the theory of *intermediate phenomenon* (or mid-side theory). In linguistics, intermediate phenomenon is present at all levels and all units.

This article discusses 6 intermediate types of the structured-based sentences as follows:

1. Is it a simple sentence with an adverbial clause or a compound sentence without a subject?
2. Is it a complex sentence with an adverbial clause or a compound sentence?
3. Is it a simple sentence with more than one predicate or a compound sentence with only one subject?
4. Is it a noun phrase or a subject - predicate compound, as a sentence component?
5. Is it a special sentence or an ellipsis?
6. Is it a special sentence (existential sentence) or a sentence with a reversed predicate?

Up till now, intermediate phenomenon is considered a complex issue, but we could no longer deny its existence.